

MUA

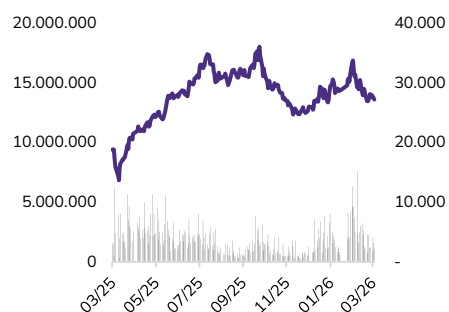
Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Phân bón
Ngày báo cáo	: 08/04/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 27.100
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 35.400
Tỷ lệ tăng (%)	: +30,6%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 3.960
SLCPLH (CP)	: 146.109.900

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	7,7%	63,4%
Tăng trưởng LNST (%)	-6,0%	134,5%
Biên LNG (%)	13,1%	14,3%
Biên LNST (%)	6,5%	9,4%
ROA (%)	2,6%	4,5%
ROE (%)	3,3%	6,1%
Nợ vay/VCSH (lần)	-	0,05
EPS (VND/CP)	402	943
BVPS (VND/CP)	12.161	15.479

Nguồn: FiinPro, ABS Research

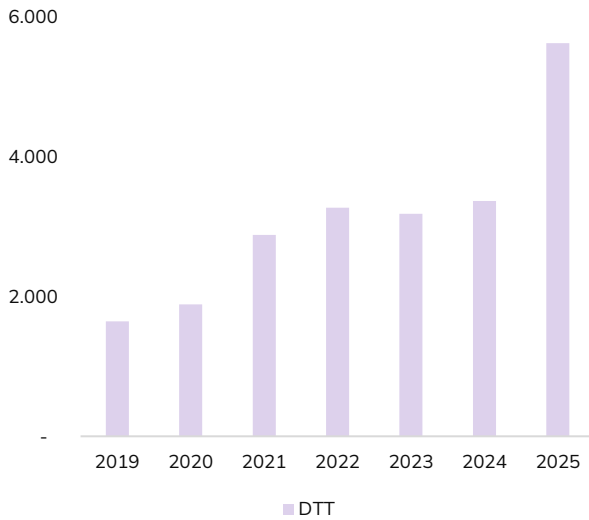
Triển vọng 2026 tích cực nhờ xuất khẩu & giá DAP cải thiện

- KQKD Q4/2025 tăng trưởng ấn tượng nhờ giá DAP tăng cao.
- ✓ Doanh thu thuần (DTT) của DDV đạt 1.470 tỷ đồng (+63,4% svck). Lợi nhuận gộp (LNG) tăng mạnh, đạt 211 tỷ đồng (+78,6% svck). Biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 14,3% (+1,2 điểm % svck nhưng -7,5 điểm % QoQ do giá lưu huỳnh tăng cao). KQKD tích cực trên là do giá bán bình quân trong Q4/2025 đạt 17,7 triệu đồng/tấn (+24,6% svck), diễn biến đồng pha với giá DAP thế giới. Q4/2025, giá DAP Trung Quốc tăng +14,8% svck lên 708 USD/tấn, giá DAP Đông Nam Á tăng +15,3% svck lên 738 USD/tấn, giá DAP tăng mạnh do Trung Quốc hạn chế xuất khẩu. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh hóa chất, đặc biệt Amoniac (NH3) tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 406 tỷ đồng (+23,9 lần svck, chiếm 27,6% cơ cấu DTT) nhờ tận dụng lợi thế hạ tầng.
- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng lên 67 tỷ đồng (+9,5% svck). Doanh thu tài chính cũng tăng mạnh +78,9% svck lên 31 tỷ đồng, chủ yếu do lãi tiền gửi & chênh lệch tỷ giá tăng mạnh svck, trong khi đó chi phí tài chính tăng lên 2,5 tỷ đồng (+90,3% svck), chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá. Tuy nhiên, quy mô hoạt động tài chính khá nhỏ so với quy mô hoạt động cốt lõi nên không ảnh hưởng đáng kể tới KQKD của DDV. **Kết quả, Q4/2025, LNST đạt 138 tỷ đồng (+134,5% svck).**
- KQKD 2025 lên mức cao nhất lịch sử nhờ tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu khi giá DAP tăng cao & mở rộng HĐKD hóa chất:
- ✓ Lũy kế năm 2025, DTT của DDV đạt 5.624 tỷ đồng (+67,1% svck), LNG tăng mạnh, đạt 940 tỷ đồng (+153,2% svck), biên lợi nhuận gộp đạt 16,7% (+5,7 điểm % svck). Trong đó, xuất khẩu chiếm 51,8% cơ cấu DTT & 54,7% cơ cấu LNG năm 2025 của DDV. KQKD khả quan trên là do: i) Giá bán bình quân năm 2025 đạt 16,45 triệu đồng/tấn (+23,1% svck); ii) DDV tiếp tục mở rộng và phát triển kênh xuất khẩu. Sản lượng tiêu thụ DAP năm 2025 đạt 261.049 tấn (+7,1% svck) trong đó xuất khẩu chiếm 67,6% cơ cấu sản lượng, đạt 176.465 tấn (+11% svck), tăng tỷ trọng đóng góp của mảng này trong cơ cấu LNG từ 49,3% (2024) lên 54,7% (2025), biên LNG kênh xuất khẩu cũng tăng mạnh +9 điểm % svck lên 17,6%; iii) DDV đẩy mạnh HĐKD hóa chất, nhất là NH3. Doanh thu HĐKD hóa chất tăng mạnh lên 1.293 tỷ đồng (+22,7 lần svck, chiếm 23% cơ cấu DTT năm 2025).
- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng lên 229 tỷ đồng (+16,9% svck), chủ yếu do chi phí nhân công tăng mạnh. Doanh thu tài chính tăng mạnh +76,6% svck lên 88 tỷ đồng, chủ yếu do lãi tiền gửi & lãi chênh lệch tỷ giá tăng mạnh svck, trong khi chi phí tài chính tăng lên 9 tỷ đồng (+41,9% svck).
- ✓ **Kết quả. LNST năm 2025 của DDV đạt 631 tỷ đồng (+261,2% svck), hoàn thành 367% kế hoạch lợi nhuận năm 2025.**

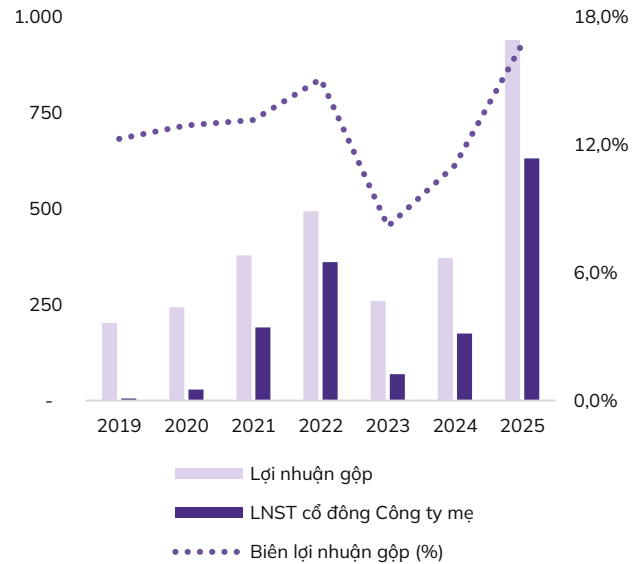
KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & NĂM 2025

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	899	1.470	63,4%	3.365	5.624	67,1%
Lợi nhuận gộp	118	211	78,6%	371	940	153,2%
Biên LN gộp	13,1%	14,3%		11,0%	16,7%	
Chi phí BH & QLDN	(61)	(67)	9,5%	(196)	(229)	16,9%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	6,8%	4,5%		5,8%	4,1%	
Doanh thu tài chính	17	31	78,9%	50	88	76,6%
Chi phí tài chính	(1)	(3)	90,3%	(6)	(9)	41,9%
Chi phí lãi vay	(0)	(1)	374,8%	(0)	(1)	113,4%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	73	173	135,8%	219	789	261,0%
Lợi nhuận trước thuế	74	174	134,5%	219	791	260,3%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	59	138	134,5%	175	631	261,2%
Biên LN ròng	6,5%	9,4%		5,2%	11,2%	

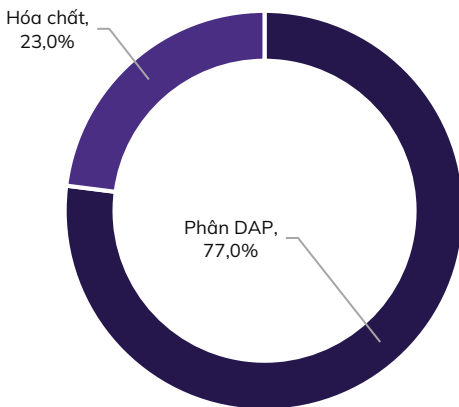
Quy mô DTT của DDV 2019-2025 (tỷ đồng)



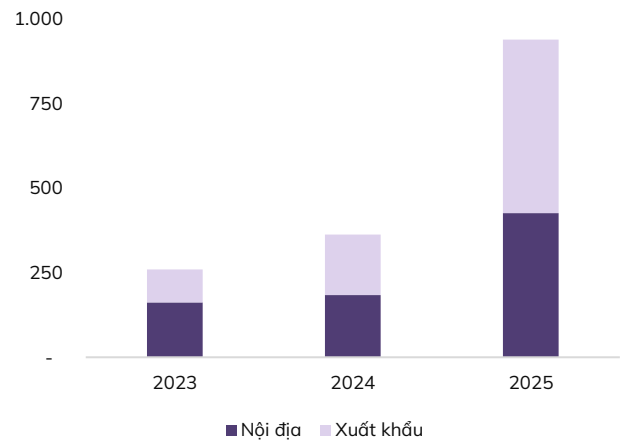
Quy mô lợi nhuận của DDV (tỷ đồng)



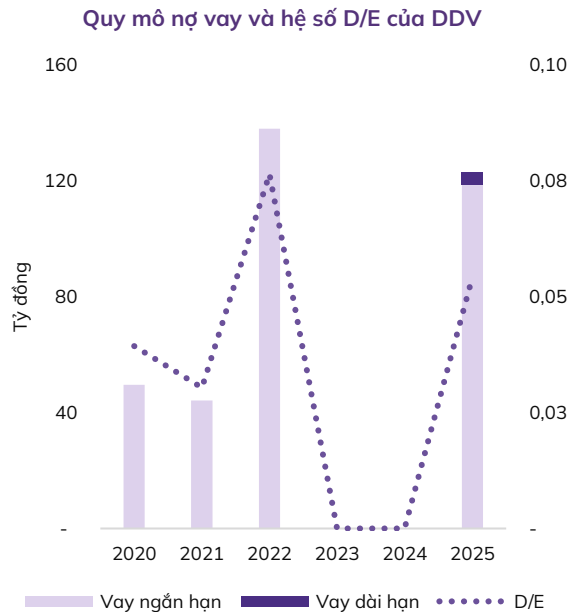
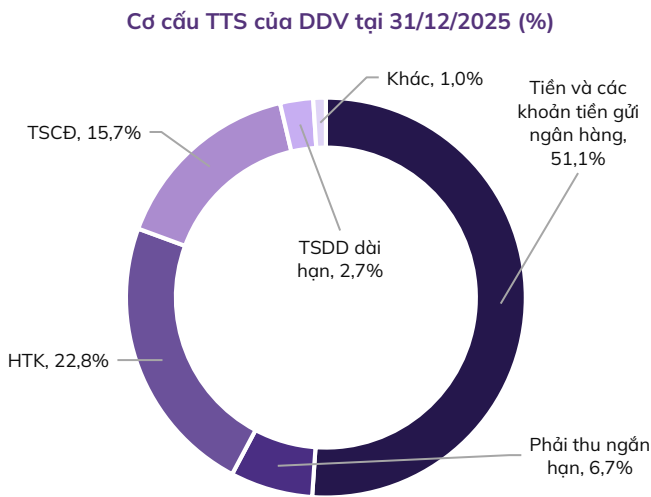
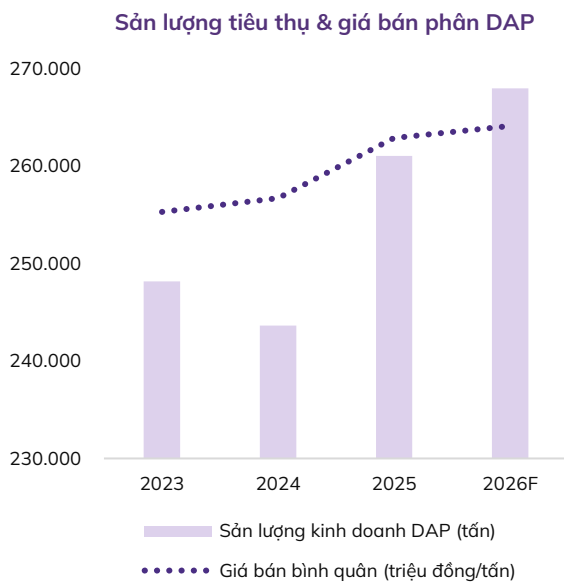
Cơ cấu DTT năm 2025 theo sản phẩm (%)



Cơ cấu DTT theo địa lý (tỷ đồng)



Nguồn: FiinPro, DDV, ABS Research



Nguồn: DDV, tradingeconomics, ABS Research

• **Tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền dồi dào và đòn bẩy tài chính thấp:**

✓ **Lượng tiền rất dồi dào.** Tại 31/12/2025, DDV có 1.553 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+32,1% so với cuối năm 2024), chiếm 51,1% cơ cấu TTS. Lượng tiền dồi dào có thể giúp DDV chủ động trong HĐKD và tăng thu nhập tài chính khi lãi suất tiền gửi đang có xu hướng tăng.

✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn & hàng tồn kho tăng.**

➢ Tại 31/12/2025, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị 203 tỷ đồng (+19% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 6,7% cơ cấu TTS, trích lập dự phòng 1,8 tỷ đồng. Trong đó, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm -55% so với cuối năm 2024 về còn 23,8 tỷ đồng, khoản trả trước người bán lại tăng mạnh +61,7% so với cuối năm 2024 lên 82,8 tỷ đồng & khoản phải thu khác tăng lên 97,9 tỷ đồng (+43,3% so với cuối năm 2024, trong đó 95,2 tỷ đồng là phải thu Cục thuế Hải Phòng, đây là khoản thu về thuế VAT đầu vào được hoàn giai đoạn từ T7/2025 đến hết T12/2025 nên hầu như không có rủi ro). Như vậy, mặc dù các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên nhưng phải thu của khách hàng đang giảm mạnh cho thấy chất lượng các khoản phải thu đã cải thiện đáng kể.

- Trong khi đó, hàng tồn kho tăng +67,1% so với thời điểm cuối năm 2024 lên 694 tỷ đồng, chiếm 22,8% cơ cấu TTS. Đây chủ yếu là nguyên vật liệu (458,1 tỷ đồng, tăng mạnh +81,4% so với cuối năm 2024) & thành phẩm (124,6 tỷ đồng, tăng +97,5% so với cuối năm 2024). Hiện nay, nguyên liệu chính của DDV gồm 4 nguyên liệu chính là: i) Quặng Apatit: đã được công ty đa dạng hóa nguồn cung cấp từ các đối tác từ trong nước tới nhập khẩu nên vẫn đảm bảo ổn định sản xuất, chất lượng sản phẩm; ii) Lưu huỳnh: nhập khẩu 100%; iii) Amoniac: cả trong nước và nhập khẩu; iv) Than cám: trong nước. Việc gia tăng mạnh hàng tồn kho, đặc biệt ở nguyên vật liệu và thành phẩm, phản ánh chiến lược chủ động tích trữ nhằm đảm bảo sản xuất và tận dụng chu kỳ giá DAP đang tăng cao, đặc biệt trong bối cảnh giá nguyên liệu đầu vào như lưu huỳnh, NH3 đang tăng cao khi chiến sự Trung Đông xảy ra.
- ✓ **Đòn bẩy tài chính thấp.** Tại 31/12/2025, DDV có 123 tỷ đồng nợ vay, trong đó chủ yếu là nợ vay ngắn hạn (+100% so với cuối năm 2024). Mặc dù nợ vay tăng lên nhưng chủ yếu là nợ vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và hệ số D/E vẫn ở mức rất an toàn 0,05 lần. Trong vòng 10 năm trở lại đây, nợ vay & hệ số D/E của DDV liên tục giảm và trong giai đoạn 2023-2024 công ty không duy trì nợ vay.

- **Triển vọng & Dự báo:**

Chúng tôi đánh giá triển vọng của DDV thời gian tới tiếp tục khả quan dựa trên các yếu tố sau:

- ✓ **Triển vọng ngành phân bón Việt Nam năm 2026 tích cực.** Trong ngắn hạn, ngành phân bón hưởng lợi nhờ giá phân bón neo cao do yếu tố địa chính trị. Trong cả năm, nhu cầu phân bón vẫn được hỗ trợ nhờ giá nông sản duy trì ở mức tốt, tạo động lực để nông dân đầu tư trở lại cho sản xuất. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, tốc độ tăng trưởng của ngành phân bón Việt Nam giai đoạn 2025-2033 tăng trưởng ước đạt 5%/năm. Trong khi đó, trên thị trường quốc tế, xuất khẩu phân bón Việt Nam có thể tiếp tục gia tăng ít nhất trong 2-3 tháng tới khi các nguồn cung phân bón toàn cầu bị gián đoạn bởi xung đột tại khu vực Trung Đông.
- ✓ **Giá phân DAP năm 2026 dự báo tăng sau khi điều chỉnh trong Q4/2025.** Giá phân DAP đã tăng lên mức 692,5 USD/tấn (+12,4% so với đầu năm) do tình hình chiến sự Trung Đông. Chúng tôi cho rằng giá phân DAP năm 2026 sẽ tiếp tục xu hướng tăng do dấu hiệu thắt chặt nguồn cung: i) Trung Quốc tiếp tục hạn chế xuất khẩu phân bón, trong đó có phân DAP/MAP đến hết T8/2026. Hiện, Trung Quốc là quốc gia xuất khẩu DAP lớn nhất thế giới, do đó động thái siết chặt xuất khẩu của nước này sẽ ảnh hưởng tới nguồn cung DAP toàn cầu, trong khi đó các quốc gia xuất khẩu lớn khác như Morocco, Ả-rập-xê-út, Nga chưa thể tăng công suất trong ngắn hạn; 2) Căng thẳng chiến sự Trung Đông giữa Mỹ - Iran. Nếu chiến sự tiếp tục kéo dài sẽ khiến cho giá phân bón nói chung và giá DAP nói riêng & giá nguyên liệu đầu vào để sản xuất phân DAP là lưu huỳnh và NH3 bị đẩy lên cao do gián đoạn nguồn cung.
- ✓ **DDV sẽ tiếp tục tận dụng kênh xuất khẩu.** Trong 3 năm qua, DDV đã duy trì kênh xuất khẩu hiệu quả khi kênh này chiếm trên 51% cơ cấu DTT/năm và đang tăng dần tỷ trọng đóng góp trong cơ cấu LNG, trong đó thị trường xuất khẩu chính là Ấn Độ, Sri Lanka, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc... Chúng tôi cho rằng thời gian tới kênh xuất khẩu sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng của DDV, đặc biệt khi Trung Quốc tiếp tục chính sách hạn chế xuất khẩu phân DAP, tạo dư địa cho DDV mở rộng xuất khẩu.
- ✓ **Hưởng lợi từ lượng hàng tồn kho lớn đã tích trữ trước đó trong bối cảnh chiến sự Trung Đông làm gián đoạn nguồn cung và giá tăng mạnh.** Kết thúc năm 2025, DDV có lượng hàng tồn kho cao, trị giá 694 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là nguyên vật liệu và thành phẩm. Điều này tạo lợi thế cạnh tranh đáng kể cho DDV trong ngắn hạn do DDV có năng lực đáp ứng đủ nhu cầu thị trường trong nước cũng như xuất khẩu. Hiện nay, DDV đang là DN dẫn đầu về sản xuất phân DAP tại Việt Nam với công suất 330 nghìn tấn/năm, chiếm 40% công suất phân DAP cả nước.
- ✓ **Hưởng lợi từ Luật VAT sửa đổi.** Ngày 26/11/2024, Quốc hội đã chính thức thông qua Dự thảo Luật thuế Giá trị gia tăng (VAT) sửa đổi. Theo đó kể từ ngày 1/7/2025, phân bón chính thức trở thành mặt hàng chịu thuế VAT đầu ra với thuế suất

5%. Chúng tôi cho rằng điều này giúp DDV được hưởng lợi vì nguyên liệu đầu vào chính của DDV gồm Apatit, than, lưu huỳnh, amoniac..., trong đó Apatit hiện đang chịu mức thuế VAT là 5% và than là 10%. Khoản thuế VAT đầu vào này sẽ được hoàn thuế và DDV sẽ được hưởng lợi do ghi nhận giảm chi phí so với các năm trước. Chúng tôi ước tính việc khấu trừ thuế VAT này có thể giúp DDV tiết kiệm 60-95 tỷ đồng/năm.

- ✓ **Lợi nhuận cải thiện nhờ giảm chi phí khấu hao.** Trong năm 2023-2024, khấu hao mỗi năm của DDV thường rơi vào khoảng 156-158 tỷ đồng. Tuy nhiên, nhà máy DAP đã hết khấu hao vào Q2/2025 nên chi phí khấu hao năm 2025 đã giảm mạnh về còn 90,4 tỷ đồng (-43% svck), trong đó chi phí khấu hao MMTB đã giảm từ 78,3 tỷ đồng (2024) xuống còn 19,5 tỷ đồng (2025). Điều này giúp DDV có thể tiếp tục giảm chi phí khấu hao năm 2026 gần 20 tỷ đồng so với năm 2025, từ đó hỗ trợ lợi nhuận.
- ✓ **Các dự án mà DDV đang thực hiện sẽ góp phần nâng cao năng lực sản xuất, tập trung vào chất lượng sản phẩm:**
 - Dự án “Đầu tư chiều sâu công nghệ, nâng cao chất lượng axit photphoric và sản xuất phân bón MAP công suất 60,000 tấn/năm”. Dự án đã khởi công ngày 19/12/2025 với tổng vốn đầu tư dự kiến là 457 tỷ đồng, dự kiến vận hành cuối năm 2026. Dự án này được kỳ vọng giúp DDV đa dạng hóa sản phẩm, cải thiện biên lợi nhuận và mở rộng thị trường xuất khẩu, tuy nhiên hiệu quả thực tế sẽ phụ thuộc vào diễn biến giá phân bón và khả năng hấp thụ của thị trường.
 - Ngoài ra, DDV còn thực hiện một số dự án khác để nâng cao năng lực sản xuất như Dự án “Bổ sung đường dẫn, cầu dẫn ra cảng Nhà máy DAP” (dự kiến đưa vào sử dụng T5/2026), Dự án “Bồn Axit Photphoric loãng”, Dự án “Dây chuyền sản xuất Na₂SiF₆”, Dự án “Nâng cấp cầu chính thuộc cầu cảng Nhà máy DAP”, Dự án “Bồn chứa Amoni lỏng”, Dự án “Đầu tư dây chuyền thu hồi SO₂ trong khí thải nhà máy SA và nhiệt điện”.
- ✓ ABS Research dự phóng DTT & LNST 2026F của DDV dự kiến đạt 7.021 tỷ đồng (+24,8% svck) & 728 tỷ đồng (+15,4% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 4.983 đ/cp & 19.286 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 5,44 và 1,41 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 28,6%.
- ✓ Chúng tôi xác định giá mục tiêu của DDV là 35.400 đ/cp theo phương pháp định giá so sánh với mức P/E và P/B mục tiêu lần lượt là 9,23 và 1,6 lần. Với tiềm năng tăng giá +30,6% so với giá hiện tại, chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu DDV.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA DDV

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	3.181	3.365	5.624	7.021
Giá vốn hàng bán	-2.921	-2.994	-4.684	-5.922
Lợi nhuận gộp	260	371	940	1.099
Doanh thu tài chính	54	50	88	108
Chi phí tài chính	-8	-6	-9	-8
Chi phí bán hàng	-118	-88	-96	-120
Chi phí QLDN	-104	-108	-133	-166
Lợi nhuận từ HKKD	83	219	789	913
Lãi/Lỗ khác	-2	1	1	0
Lợi nhuận trước thuế	81	219	791	912
Lợi nhuận sau thuế	69	175	631	728
LNST cổ đông Công ty mẹ	69	175	631	728

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
LCT thuần từ HKKD	704	445	554	822
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-372	-545	-523	-500
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-284	-88	-14	-246
LCT thuần trong kỳ	48	-188	17	76
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	170	219	31	48
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	219	31	48	124

Chỉ số tài chính	2023	2024	2025	2026F
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	5,93	3,85	3,22	3,27
Khả năng thanh toán nhanh	4,28	2,93	2,29	2,92
Khả năng thanh toán tiền mặt	3,74	2,56	2,02	2,51
Khả năng thanh toán lãi vay	77,83	519,11	875,79	5.456

Cơ cấu vốn	2023	2024	2025	2026F
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,88	0,79	0,75	0,77
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,12	0,21	0,25	0,23
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,00	0,00	0,05	0,01

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2023	2024	2025	2026F
Số ngày phải thu	24,0	6,8	2,5	1,5
Số ngày phải trả	12,2	24,7	24,1	22,4
Số ngày tồn kho	56,8	46,7	43,2	29,5

Khả năng sinh lời	2023	2024	2025	2026F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8,2%	11,0%	16,7%	15,7%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	1,6%	5,6%	13,0%	11,9%
Tỷ suất LNST	2,2%	5,2%	11,2%	10,4%
ROE	3,9%	10,0%	31,2%	28,6%
ROA	3,4%	8,4%	23,9%	21,8%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	219	31	48	124
+ Đầu tư ngắn hạn	609	1.145	1.505	1.957
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	119	170	203	339
+ Hàng tồn kho	351	415	694	263
+ Tài sản ngắn hạn khác	15	6	24	30
Tài sản ngắn hạn	1.313	1.768	2.473	2.712
+ Các khoản phải thu dài hạn	2	2	2	3
+ Tài sản cố định	576	458	477	853
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	4	11	81	81
+ Đầu tư dài hạn	5	4	4	4
+ Tài sản dài hạn khác	26	2	0	0
Tài sản dài hạn	612	477	566	942
Tổng Tài sản	1.926	2.245	3.039	3.654
+ Vay ngắn hạn	0	0	119	19
+ Nợ ngắn hạn khác	221	460	649	811
Nợ ngắn hạn	221	460	767	829
+ Vay dài hạn	0	0	4	4
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	2	2	2	3
Nợ dài hạn	2	2	6	7
Tổng nợ phải trả	224	462	774	836
+ Vốn cổ phần	1.461	1.461	1.461	1.461
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	129	196	644	1.171
+ Quỹ khác	112	126	160	186
Vốn chủ sở hữu	1.702	1.783	2.265	2.818
Tổng cộng nguồn vốn	1.926	2.245	3.039	3.654

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Tăng trưởng doanh thu	-2,7%	5,8%	67,1%	24,8%
Tăng trưởng LNST	-78,8%	169,4%	260,0%	15,3%
Tăng trưởng LNST	-80,9%	153,2%	261,2%	15,4%
Tăng trưởng VCSH	-5,7%	4,8%	27,0%	24,4%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-9,0%	16,6%	35,4%	20,2%

Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
P/E	42,8	21,7	7,9	6,2
P/B	1,6	2,1	2,21	1,61
EPS	432	1.195	4.318	4.983
BVPS	11.649	12.204	15.503	19.286

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tu hào
NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG



BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỖI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây